**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC**

**THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC HỌC SINH**

**Năm học: 2020-2021**

**MÔN:**HÓA HỌC **Khối:** 9

**I. Điều chỉnh nội dung dạy học** *(Rà soát, đối chiếu nội dung các bài học trong sách giáo khoa với các chủ đề tương ứng trong chương trình môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành để tinh giản những nội dung dạy học vượt quá yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình; bổ sung, cập nhật những thông tin mới thay cho những thông tin đã cũ, lạc hậu)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mục** | **Tinh giản** | | **Bổ sung, cập nhật** | | **Ghi chú** |
| **Nội dung** | **Lý do** | **Nội dung** | **Lý do** |
| 1 | **Ôn tập đầu năm** |  |  | Ôn các kiến thức, kỹ năng cơ bản đã học ở lớp 8 | Lớp 8 do nghỉ covid-19 không được học nhiều, HS thiếu nhiều kỹ năng. |  |
| 2 | **Khái niệm, phân loại, tên gọi các loại hợp chất vô cơ** |  |  | Khái niệm, phân loại, tên gọi các loại hợp chất vô cơ | Lớp 8 không học do nghỉ covid-19 | Kiến thức quan trọng |
| 3 | **Một số axit quan trọng** | ***- Phần A. Axit clohiđric (HCl): Không dạy, GV hướng dẫn HS tự đọc lại tính chất chung của axit (trang 12, 13)***  ***- Bài tập 4( trang 19): Không yêu cầu HS làm*** | Giảm tải |  |  |  |
| 4 | **Một số bazơ quan trọng** | ***- Hình vẽ thang pH (trang29): Không dạy***  ***- Bài tập 2( trang 30): Không yêu cầu HS làm*** | Giảm tải |  |  |  |
| 5 | **Tính chất hoá học của muối. Một số muối quan trọng** | ***Bài tập 6 (trang 33): Không yêu cầu HS làm; Mục II. Muối Kali nitrat (KNO3) ( trang 35): Không dạy*** | Giảm tải |  |  |  |
| 6 | **Phân bón hoá học** | ***Mục I. Những nhu cầu của cây trồng( trang 37): Không dạy, vì Sinh học THCS đã học*** | Giảm tải |  |  |  |
| 7 | **Luyện tập chương I** |  |  | Tăng thêm một tiết | Kiến thức chương I rất cơ bản và khó với HS |  |
| 8 | **Tính chất vật lí của kim loại. Tính chất hoá học của kim loại** | ***- Thí nghiệm tính dẫn điện, tính dẫn nhiệt ( trang 46, 47): Không dạy, vì Vật lý THCS đã học***  ***- Bài tập 7( trang 51): Không yêu cầu HS làm*** | Giảm tải |  |  |  |
| 9 | **Nhôm** | ***Hình 2.14 (trang 57): Không dạy*** | Giảm tải | Tăng thêm một tiết | Nhiều thí nghiệm, lượng kiến thức nhiều, bài tập ứng dụng nhiều. |  |
| 10 | **Hợp kim sắt: Gang, thép.** | ***Không dạy về các loại lò sản xuất gang, thép*** | Giảm tải |  |  |  |
| 11 | **Luyện tập ch­­ương 2: Kim loại** | ***Bài tập 6(trang 69): Không yêu cầu HS làm*** | Giảm tải |  |  |  |
| 12 | **Ôn tập học kỳ I** |  |  | Tăng thêm một tiết | Tăng thời lượng ôn tập luyện tập cho HS |  |
| 13 | **Axit Cacbonic và muối cacbonat** | ***Không dạy chu trình Cacbon trong tự nhiên*** | Môn sinh học và địa lý đã học |  |  |  |
| 14 | **Silic. Công nghiệp silicat** | ***Mục 3b. Các công đoạn chính( trang 94): Không dạy các phương trình hóa học*** | Giảm tải |  |  |  |
| 15 | **Sơ l­­­ược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học** | ***Bỏ không dạy*** | HS không được học từ gốc, nên rất khó với HS; Ở lớp 10 được học rất chi tiết. |  |  |  |
| 16 | **Dầu mỏ và khí thiên nhiên** | ***Mục III, SGK/128, không dạy*** | Giảm tải do HS đã học ở môn Địa lý |  |  |  |
| 17 | **Protein** | ***Bỏ không dạy*** | Khó với HS THCS, HS được học rất chi tiết ở lớp 12. |  |  |  |
| 18 | **Thực hành: Tính chất của Gluxit** | ***Bỏ không dạy*** | Khó với HS THCS, HS được học rất chi tiết ở lớp 12. |  |  |  |
| 19 | **Polime** | ***Bỏ không dạy*** | Khó với HS THCS, HS được học rất chi tiết ở lớp 12. |  |  |  |

**II. Thiết kế bài học theo chủ đề** *(Dựa trên các chủ đề trong chương trình môn học, tích hợp các bài học có liên quan sau khi tinh giản để thiết kế bài học theo chủ đề với các hoạt động học cơ bản: mở đầu (xác định vấn đề), hình thành kiến thức mới, luyện tập, vận dụng).*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mục** | **Tích hợp, sắp xếp lại theo bài học** | | **Ghi chú** |
| **Nội dung** | **Lý do** |
| 1 | **Chủ đề: Tính chất của kim loại - Dãy hoạt động hoá học của kim loại** | - Tính chất của kim loại  - Dãy HĐHH của kim loại | - Thể hiện sự logic của mạch kiến thức  - Khai thác được thí nghiệm một cách hiệu quả mà không phải làm lại hoặc nhắc lại nhiều lần. |  |
| 2 | **Chủ đề: Sắt - Hợp kim sắt: Gang, thép.** | - Tính chất của sắt  - Khái niệm về hợp kim sắt: Gang và thép  - Sản xuất gang, thép. | - Thể hiện được sự logic của kiến thức  - GV dễ phân bố thời lượng để dạy từng lượng kiến thức nhỏ trong bài. |  |
| 3 | **Chủ đề: Các hợp chất của Cacbon** | - Tính chất, ứng dụng của CO, CO2, H2CO3, muối Cacbonat | - Thể hiện được sự logic của kiến thức  - GV dễ phân bố thời lượng để dạy từng lượng kiến thức nhỏ trong bài. |  |
| 4 | **Chủ đề: Đại cương về hóa hữu cơ** | - Khái niệm hợp chất hữu cơ  - Khái niệm hoá học hữu cơ  - Đặc điểm cấu tạo phân tử hợp chất hữu cơ  - Công thức cấu tạo. | - Thể hiện được sự logic của kiến thức  - GV dễ phân bố thời lượng để dạy từng lượng kiến thức nhỏ trong bài. |  |
| 5 | **Chủ đề: Dầu mỏ - Khí thiên nhiên – Nhiên Liệu** | - Dầu mỏ  - Khí thiên nhiên  - Nhiên liệu | - Thể hiện được sự logic của kiến thức  - GV dễ phân bố thời lượng để dạy từng lượng kiến thức nhỏ trong bài. |  |

**III. Xây dựng khung kế hoạch giáo dục môn học** *(theo từng khối lớp, được trình bày thành bảng các bài học đã được xây dựng sau khi tinh giản nội dung và sắp xếp theo thời gian thực hiện. Mỗi bài học nêu rõ tên bài và mạch nội dung kiến thức; yêu cầu cần đạt (theo chương trình môn học); thời lượng dạy học; hình thức tổ chức dạy học phù hợp với từng nội dung).*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT/Tiết thứ** | **Tên bài học** | **Mạch nội dung kiến thức** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng (tiết)** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Ghi chú** | |
| 1/ 1,2 | **Ôn tập đầu năm** | - Ôn các kiến thức, kỹ năng cơ bản học ở lớp 8 | - Hệ thống kiến thức cơ bản về tính chất hóa học của chất…  - giải được một số dạng bài tập tính theo PTHH, nồng độ dung dịch… | 02 | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | | Tăng thêm 01 tiết | |
| **CHƯƠNG 1: CÁC LOẠI HỢP CHẤT VÔ CƠ** | | | | | | | | |
| 2/ 3 | Khái niệm về các hợp chất vô cơ | - KN, phân loại, tên gọi các loại hợp chất vô cơ | - Định nghĩa axit, bazơ, muối  - Cách gọi tên axit, bazơ, muối  - Phân loại axit, bazơ, muối | 01 | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | | Thêm 1 tiết: Giúp HS có cái nhìn khái quát và nhận diện, gọi tên các hợp chất vô cơ, thuận lợi cho quá trình học chương I. | |
| 3/4 | **Tính chất hoá học của oxit. Khái quát về sự phân loại oxit** | - Tính chất hóa học của Oxit  - Khái quát sự phân loại Oxit | ***Kiến thức***  Biết được:  - Tính chất hoá học của oxit:  + Oxit bazơ tác dụng được với nước, dung dịch axit, oxit axit.  + Oxit axit tác dụng được với nước, dung dịch bazơ, oxit bazơ.  - Sự phân loại oxit, chia ra các loại: oxit axit, oxit bazơ, oxit lưỡng tính va oxit trung tính.  ***Kĩ năng***  - Quan sát thí nghiệm và rút ra tính chất hoá học của oxit bazơ, oxit axit.  - Dự đoán, kiểm tra và kết luận được về tính chất hoá học của CaO, SO2.  - Phân biệt được các phương trình hoá học minh hoạ tính chất hoá học của một số oxit.  - Phân biệt được một số oxit cụ thể.  - Tính thành phần phần trăm về khối lượng của oxit trong hỗn hợp hai chất. | 01 | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | |  | |
| 4/ 5,6 | **Một số oxit quan trọng** | - Tính chất, ứng dụng, sản xuất CaO và SO2 | **Kiến thức:**  Tính chất, ứng dụng, điều chế canxi oxit và lưu huỳnh đioxit, viết đúng các phương trình hoá học minh hoạ cho mỗi tính chất của CaO và SO2.  **Kỹ năng:**  - Dự đoán, kiểm tra và kết luận được về tính chất hoá học của CaO, SO2.  - Luyện tập: + Viết phương trình hóa học của các phản ứng minh họa tính chất và điều chế oxit (dưới dạng giải thích hoặc sơ đồ)  + Phân biệt các oxit bằng phương pháp hóa học  + Bài toán tính khối lượng, nồng độ dung dịch, tính % khối lượng hỗn hợp các oxit và xác định công thức oxit | 02 | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | |  | |
| 5/ 7 | **Tính chất hoá học của axit** | - Tính chất hóa học chung  - Axit mạnh, axit yếu | ***Kiến thức*:** Biết được:  - Tính chất hoá học của axit: Tác dụng với quỳ tím, với bazơ, oxit bazơ và kim loại...  - Axit mạnh, axit yếu  ***Kĩ năng***  - Quan sát thí nghiệm và rút ra kết luận về tính chất hoá học của axit nói chung.  - Tính nồng độ hoặc khối lượng dung dịch axit tham gia hoặc tạo thành. | 01 | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | |  | |
| 6/ 8,9 | **Một số axit quan trọng** | - Tính chất, Ứng dụng, sản xuất, nhận axit Sunfuric. | ***Kiến thức*:** Biết được:  - Tính chất, ứng dụng, cách nhận biết dd H2SO4 loãng và H2SO4 đặc (tác dụng với kim loại, tính háo nước). Phương pháp sản xuất H2SO4 trong công nghiệp.  ***Kĩ năng***  - Làm TN, quan sát thí nghiệm và rút ra kết luận về tính chất hoá học của axit H2SO4  - Tính nồng độ hoặc khối lượng dung dịch axit HCl, H2SO4 trong phản ứng. | 02 | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | | ***- Phần A. Axit clohiđric (HCl): Không dạy, GV hướng dẫn HS tự đọc lại tính chất chung của axit (trang 12, 13)***  ***- Bài tập 4( trang 19): Không yêu cầu HS làm*** | |
| 7/ 10 | **Luyện tập: Tính chất hoá học của oxit và axit** | - Kiến thức cần nhớ  - Bài tập | - HS hiểu được TCHH của Oxit, Axit; các hợp chất quan trọng.  - Nhận biết được các hợp chất đã học  - Biết phương pháp sản xuất một số chất đã học  - Vận dụng giải bài tập liên quan đến oxit, axit | 01 | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | |  | |
| 8/ 11 | **Thực hành: Tính chất hoá học của oxit và axit** | - Mục tiêu  - Tiến hành TN  - Viết tường trình | ***Kiến thức***  Biết được:  - Mục đích, các bước tiến hành, kĩ thuật thực hiện các thí nghiệm:  - Oxit tác dụng với nước tạo thành dung dịch bazơ hoặc axit.  - Nhận biết dung dịch axit, dung dịch bazơ và dung dịch muối sunfat.  ***Kĩ năng***  - Sử dụng dụng cụ và hoá chất để tiến hành an toàn, thành công các thí nghiệm trên.  - Quan sát, mô tả, giải thích hiện tượng và viết được các phương trình hoá học của thí nghiệm.  - Viết tường trình thí nghiệm. | 01 | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | |  | |
| 9/12 | Kiểm tra 1 tiết | Kiểm tra kiến thức đã học | HS có kỹ năng làm bài tập TNKQ và tự luận liên quan đến kiến thức đã học | 01 | Ma trận, đề TNKQ + Tự luận | |  | |
| 10/13 | **Tính chất hoá học của bazơ** | Tính chất HH chung của bazơ | ***Kiến thức***  Biết được:  - Tính chất hoá học chung của bazơ (tác dụng với chất chỉ thị màu, và với axit); tính chất hoá học riêng của bazơ tan (kiềm) (tác dụng với oxit axit và với dung dịch muối); tính chất riêng của bazơ không tan trong nước (bị nhiệt phân huỷ).  ***Kĩ năng***  - Tra bảng tính tan để biết một bazơ cụ thể thuộc loại kiềm hoặc bazơ không tan.  - Quan sát thí nghiệm và rút ra kết luận về tính chất của bazơ, tính chất riêng của bazơ không tan.  - Nhận biết môi trường dung dịch bằng chất chỉ thị màu (giấy quỳ tím hoặc dung dịch phenolphtalêin  - Viết các phương trình hoá học minh hoạ tính chất hoá học của bazơ.  - Tìm khối lượng hoặc thể tích dung dịch bazơ tham gia phản ứng. | 01 | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | |  | |
| 11/ 14,15 | **Một số bazơ quan trọng** | Tính chất, ứng dụng, sản xuất NaOH, Ca(OH)2 | ***Kiến thức***  Biết được:  - Tính chất, ứng dụng của natri hiđroxit NaOH và canxi hiđroxit Ca(OH)2; phương pháp sản xuất NaOH từ muối ăn.  ***Kĩ năng***  - Nhận biết được dung dịch NaOH và dung dịch  Ca(OH)2.  - Viết các phương trình hoá học minh hoạ tính chất hoá học của NaOH, Ca(OH)2.  - Tìm khối lượng hoặc thể tích dung dịch NaOH và  Ca(OH)2 tham gia phản ứng. | 02 | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | | ***- Hình vẽ thang pH (trang29) : Không dạy***  ***- Bài tập 2 (trang 30): Không yêu cầu HS làm*** | |
| 12/ 16,17 | **Tính chất hoá học của muối. Một số muối quan trọng** | - Tính chất HH của muối  - Phản ứng trao đổi trong dung dịch  - Muối NaCl | ***Kiến thức***  Biết được:  - Tính chất hoá học của muối: tác dụng với kim loại, dung dịch axit, dung dịch bazơ, dung dịch muối khác, nhiều muối bị nhiệt phân huỷ ở nhiệt độ cao.  - Một số tính chất và ứng dụng của natri clorua (NaCl)  - Khái niệm phản ứng trao đổi và điều kiện để phản ứng trao đổi thực hiện được.  ***Kĩ năng***  - Tiến hành một số thí nghiệm, quan sát giải thích hiện tượng, rút ra được kết luận về tính chất hoá học của muối.  - Nhận biết được một số muối cụ thể  - Viết được các phương trình hoá học minh hoạ tính chất hoá học của muối.  - Tính khối lượng hoặc thể tích dung dịch muối trong phản ứng. | 02 | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | | ***Bài tập 6 (trang 33): Không yêu cầu HS làm***  ***Mục II. Muối Kali nitrat (KNO3) ( trang 35): Không dạy*** | |
| 13/ 18 | **Phân bón hoá học** | Những phân bón hóa học thường dùng | ***Kiến thức***  Biết được:  - Tên, thành phần hoá học và ứng dụng của một số phân bón hoá học thông dụng.  ***Kĩ năng***  - Nhận biết được một số phân bón hoá học thông dụng.  - Tính hàm lượng dinh dưỡng trong một số phân bón hóa học cụ thể. | 01 | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | | ***Mục I. Những nhu cầu của cây trồng( trang 37): Không dạy, vì Sinh học THCS đã học*** | |
| 14/ 19 | **Mối quan hệ giữa các loại hợp chất vô cơ** | - Sơ đồ mối quan hệ giữa các loại hợp chất vô cơ  - Những PTHH minh họa  - Bài tập vận dụng | ***Kiến thức***  - Biết và chứng minh được mối quan hệ giữa oxit, axit, bazơ, muối ( mối quan hệ 2 chiều)  ***Kĩ năng***  - Lập sơ đồ mối quan hệ giữa các loại hợp chất vô cơ.  - Viết được các phương trình hoá học biểu diễn sơ đồ chuyển hoá.  - Phân biệt một số hợp chất vô cơ cụ thể.  - Tính thành phần phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của hỗn hợp chất rắn, hỗn hợp lỏng, hỗn hợp khí. | 01 | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | |  | |
| 15/  20,21 | **Luyện tập chư­­­ơng 1: Các loại hợp chất vô cơ** | - Kiến thức cần nhớ  - Bài tập luyện tập | HS được củng cố, khắc sâu TCHH các hợp chất vô cơ trong mối quan hệ của chúng.  - Biết làm các dạng bài tập cơ bản liên quan đến kiến thức đã học. | 02 | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | | Tăng thêm một tiết | |
| 16/ 22 | **Thực hành: Tính chất hoá học của bazơ và muối** | - Mục tiêu  - Tiến hành TN  - Viết tường trình | ***Kiến thức***  Biết được:  Mục đích, các bước tiến hành, kĩ thuật thực hiện các thí nghiệm:  - Bazơ tác dụng với dung dịch axit, với dung dịch muối.  - Dung dịch muối tác dụng với kim loại, với dung dịch muối khác và với axit.  ***Kĩ năng***  - Sử dụng dụng cụ và hoá chất để tiến hành an toàn, thành công 5 thí nghiệm trên  - Quan sát, mô tả, giải thích hiện tượng thí nghiệm và viết được các phương trình hoá học.  - Viết tường trình thí nghiệm | 01 | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | |  | |
| 17/ 23 | Kiểm tra 1 tiết | Kiểm tra kiến thức đã học | HS có kỹ năng làm bài tập TNKQ và tự luận liên quan đến kiến thức đã học | 01 | Ma trận, đề TNKQ + Tự luận | |  | |
| **CHƯƠNG 2: KIM LOẠI** | | | | | | | | |
| 18/ 24, 25,26 | **Chủ đề: Tính chất của kim loại - Dãy hoạt động hoá học của kim loại** | - Tính chất vật lí của kim loại. Tính chất hoá học của kim loại  - Dãy hoạt động hoá học của kim loại | ***Kiến thức***  Biết được:  - Tính chất vật lí của kim loại.  - Tính chất hoá học của kim loại: Tác dụng với phi kim, dung dịch axit, dung dịch muối.  - Dãy hoạt động hoá học của kim loại K, Na, Mg, Al, Zn, Fe, Pb, (H), Cu, Ag, Au. ý nghĩa của dãy hoạt động hoá học của kim loại.  ***Kĩ năng***  - Quan sát hiện tượng thí nghiệm cụ thể, rút ra được tính chất hoá học của kim loại và dãy hoạt động hoá học của kim loại.  - Vận dụng được ý nghĩa dãy hoạt động hoá học của kim loại để dự đoán kết quả phản ứng của kim loại cụ thể với dung dịch axit, với nước và với dung dịch muối.  - Tính khối lượng của kim loại trong phản ứng, thành phần phần trăm về khối lượng của hỗn hợp hai kim loại. | 03 | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | | ***- Thí nghiệm tính dẫn điện, tính dẫn nhiệt( trang 46, 47): Không dạy, vì Vật lý THCS đã học***  ***- Bài tập 7 (trang 51): Không yêu cầu HS làm*** | |
| 19/ 27,28 | **Nhôm** | Tính chất, ứng dụng, sản xuất nhôm | ***Kiến thức***  Biết được:  - Tính chất hoá học của nhôm: Có những tính chất hoá học chung của kim loại và nhôm có TCHH riêng phản ứng được với dung dịch kiềm  - Phương pháp sản xuất nhôm bằng cách điện phân nhôm oxit nóng chảy.  ***Kĩ năng***  - Dự đoán, kiểm tra và kết luận về tính chất hoá học của nhôm; Viết các phương trình hoá học minh hoạ.  - Quan sát sơ đồ, hình ảnh để rút ra được nhận xét về phương pháp sản xuất nhôm | 02 | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | | ***Hình 2.14 (trang 57): Không dạy*** | |
| 20/ 29,30 | **Chủ đề: Sắt - Hợp kim sắt: Gang, thép.** | - Tính chất của sắt  - KN về hợp kim của sắt: Gang và thép  - Sản xuất gang, thép | ***Kiến thức***  Biết được:  - Tính chất hoá học của sắt: có những tính chất hoá học chung của kim loại; nhôm và sắt không phản ứng với H2SO4 đặc, nguội; sắt là kim loại có nhiều hoá trị.  - Thành phần chính của gang và thép.  - Sơ lược về phương pháp luyện gang và thép.  ***Kĩ năng***  - Dự đoán, kiểm tra và kết luận về tính chất hoá học của sắt, viết các phương trình hoá học minh hoạ.  - Quan sát sơ đồ, hình ảnh để rút ra được nhận xét về phương pháp luyện gang, thép.  - Phân biệt được nhôm và sắt bằng phương pháp hoá học.  - Tính thành phần phần trăm về khối lượng của hỗn hợp bột nhôm và sắt. Tính khối lượng nhôm hoặc sắt tham gia phản ứng hoặc sản xuất được theo hiệu suất phản ứng. | 02 | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | | ***Không dạy về các loại lò sản xuất gang, thép*** | |
| 21/ 31 | **Sự ăn mòn kim loại và bảo vệ kim loại không bị ăn mòn** | - Khái niệm sự ăn mòn kim loại  - Những yếu tố ảnh hưởng đến sự ăn mòn kim loại  - Các biện pháp bảo vệ kim loại không bị ăn mòn. | ***Kiến thức***  Biết được:  - Khái niệm về sự ăn mòn kim loại và một số yếu tố ảnh hưởng đến sự ăn mòn kim loại.  - Cách bảo vệ kim loại không bị ăn mòn.  ***Kĩ năng***  - Quan sát một số thí nghiệm và rút ra nhận xét về một số yếu tố ảnh hưởng đến sự ăn mòn kim loại.  - Nhận biệt được hiện tượng ăn mòn kim loại trong thực tế.  - Vận dụng kiến thức để bảo vệ một số đồ vật bằng kim loại trong gia đình. | 01 | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | |  | |
| 22/ 32 | **Luyện tập ch­­ương 2: Kim loại** | - Kiến thức cần nhớ  - Bài tập luyện tập | HS được củng cố, khắc sâu TCHH kim loại.  - Biết làm các dạng bài tập cơ bản liên quan đến kim loại. | 01 | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | | ***Bài tập 6(trang 69): Không yêu cầu HS làm*** | |
| 23/ 33 | **Thực hành: Tính chất hoá học của nhôm và sắt (lấy điểm hệ số 1)** | - Mục tiêu  - Tiến hành TN  - Viết tường trình | ***Kiến thức***  Biết được:  Mục đích, các bước tiến hành, kĩ thuật thực hiện các thí nghiệm:  - Nhôm tác dụng với oxi.  - Sắt tác dụng với lưu huỳnh.  - Nhận biết kim loại nhôm và sắt.  ***Kĩ năng***  - Sử dụng dụng cụ và hoá chất để tiến hành an toàn, thành công các thí nghiệm trên.  - Quan sát, mô tả, giải thích hiện tượng thí nghiệm và viết được các phương trình hoá học.  - Viết tường trình thí nghiệm. | 01 | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | |  | |
| 24/ 34,35 | **Ôn tập kỳ I** | - Hệ thống kiến thức cơ bản của học kỳ I  - vận dụng làm các dạng bài tập cơ bản liên quan | - Ôn lại được các kiến thức đã học trong học kỳ I  - Vận dụng các kiến thức đã học làm các dạng bài tập hóa học có liên quan ( Tính theo PTHH, nồng độ, nhận biết, chuỗi biến hóa…) | **02** | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | |  | |
| 25/ 36 | Kiểm tra học kỳ I | Kiểm tra kiến thức đã học | HS có kỹ năng làm bài tập TNKQ và tự luận liên quan đến kiến thức đã học | **01** | Ma trận, đề TNKQ + Tự luận | |  | |
| **HỌC KỲ II**  **CHƯƠNG 3: PHI KIM. SƠ LƯỢC BẢNG TUẦN HOÀN CÁC NGUYÊN TỐ HOÁ HỌC** | | | | | | | | |
| 26/ 37 | **Tính chất chung của phi kim** | - Tính chất của phi kim  - Mức độ hoạt động của phi kim | ***Kiến thức***  Biết được:  - Tính chất vật lí của phi kim.  - Tính chất hoá học của phi kim: Tác dụng với kim loại, với hiđro và với oxi.  - Sơ lược về mức độ hoạt động hoá học mạnh, yếu của một số phi kim.  ***Kĩ năng***  - Quan sát thí nghiệm, hình ảnh thí nghiệm và rút ra nhận xét về tính chất hoá học của phi kim.  - Viết một số phương trình hoá học theo sơ đồ chuyển hoá của phi kim.  - Tính lượng phi kim và hợp chất của phi kim trong phản ứng hoá học. | **01** | Dạy học trên lớp, PHBM, video thí nghiệm, dạy học theo nhóm, teo dự án. vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | |  | |
| 27/ 38,39 | **Clo** | Tính chất, ứng dụng, điều chế. | ***Kiến thức***  Biết được:  - Tính chất vật lí của Clo.  - Clo có một số tính chất chung của phi kim (tác dụng với kim loại, với hiđro), clo còn tác dụng với nước và dung dịch bazơ, clo là phi kim hoạt động hoá học mạnh.  - ứng dụng, phương pháp điều chế và thu khí clo trong phòng thí nghiệm và trong công nghiệp.  ***Kĩ năng***  - Dự đoán, kiểm tra, kết luận được tính chất hoá học của Clo và viết các phương trình hoá học.  - Quan sát thí nghiệm, nhận xét về tác dụng của clo với nước, với dung dịch kiềm và tính tẩy mầu của clo ẩm.  - Nhận biết được khí clo bằng giấy màu ẩm.  - Tính thể tích khí clo tham gia hoặc tạo thành trong phản ứng hoá học ở điều kiện tiêu chuẩn. | **02** | Dạy học trên lớp, PHBM, video thí nghiệm, dạy học theo nhóm, teo dự án. vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | |  | |
| 28/ 40 | **Cacbon** | - Các dạng thù hình của Cacbon  - Tính chất, ứng dụng của Cacbon | **Kiến thức:**  Biết được:  - Cacbon có 3 dạng thù hình chính: kim cương, than chì và cacbon vô định hình.  - Cacbon vô định hình (than gỗ, than xương, mồ hóng…) có tính hấp phụ và hoạt động hoá học mạnh chất. Cacbon là phi kim hoạt động hoá học yếu: tác dụng với oxi và một số oxit kim loại.  - ứng dụng của cacbon.  ***Kĩ năng***  - Quan sát thí nghiệm, hình ảnh thí nghiệm và rút ra nhận xét về tính chất của cacbon.  - Viết các phương trình hoá học của cacbon với oxi, với một số oxit kim loại  - Tính lượng cacbon và hợp chất của cacbon trong phản ứng hoá học. | **01** | Dạy học trên lớp, PHBM, video thí nghiệm, dạy học theo nhóm, theo dự án. vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | |  | |
| 29/ 41,42 | **Chủ đề: Các hợp chất của Cacbon** | - Tính chất, ứng dụng của CO, CO2, H2CO3, muối Cacbonat | **Kiến thức:**  Biết được:  - CO là oxit không tạo muối, độc, khử được nhiều oxit kim loại ở nhiệt độ cao.  - CO2 có những tính chất của oxit axit  - H2CO3 là axit yếu, không bền  - Tính chất hoá học của muối cacbonat (tác dụng với dung dịch axit, dung dịch bazơ, dung dịch muối khác, bị nhiệt phân huỷ)  ***Kĩ năng***  - Xác định phản ứng có thực hiện được hay không và viết các phương trình hoá học.  - Nhận biết khí CO2, một số muối cacbonat cụ thể.  - Tính thành phần phần trăm thể tích khí CO và CO2 trong hỗn hợp. | **02** | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | | *Chu trình Cacbon trong tự nhiên không dạy.* | |
| 30/ 43 | **Silic. Công nghiệp silicat** | - Silic, Silicđioxit  - Sơ lược về công nghiệp Silicat | ***Kiến thức***  Biết được:  - Silic là phi kim hoạt động yếu (tác dụng được với oxi, không phản ứng trực tiếp với hiđro), SiO2 là một oxit axit (tác dụng với kiềm, muối cacbonat kim loại kiềm ở nhiệt độ cao).  - Một số ứng dụng quan trọng của silic, silic đioxit và muối silicat.  - Sơ lược về thành phần và các công đoạn chính sản xuất thuỷ tinh, đồ gốm, xi măng.  ***Kĩ năng***  - Đọc và tóm tắt được thông tin về Si, SiO2, muối silicat, sản xuất thuỷ tinh, đồ gốm, xi măng.  - Viết được các phương trình hoá học minh hoạ cho tính chất của Si, SiO2, muối silicat. | **01** | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | | ***Mục 3b. Các công đoạn chính( trang 94): Không dạy các phương trình hóa học*** | |
| 31/ | **Sơ l­­­ược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học** | Không dạy |  |  |  | | **Không dạy** | |
| 32/ 44 | **Luyện tập chư­­­­ơng 3: Phi kim** | - Kiến thức cần nhớ  - Bài tập luyện tập | HS được củng cố, khắc sâu TCHH của phi kim.  - Biết làm các dạng bài tập cơ bản liên quan đến phi kim. | **01** | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | |  | |
| 33/ 45 | **Thực hành: Tính chất hoá học của phi kim và hợp chất của chúng** | - Mục tiêu  - Tiến hành TN  - Viết tường trình | ***Kiến thức***  Biết được:  Mục đích, các bước tiến hành, kĩ thuật thực hiện các thí nghiệm:  - Cacbon khử đồng (II) oxit ở nhiệt độ cao  - Nhiệt phân muối NaHCO3  - Nhận biết muối cacbonat và muối clorua cụ thể  ***Kĩ năng***  - Sử dụng dụng cụ và hoá chất để tiến hành an toàn, thành công các thí nghiệm trên  - Quan sát, mô tả, giải thích hiện tượng thí nghiệm và viết được các phương trình hoá học.  - Viết tường trình thí nghiệm. | **01** | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | |  | |
| 34/ 46 | **Kiểm tra 1 tiết** | Kiểm tra kiến thức đã học | HS có kỹ năng làm bài tập TNKQ và tự luận liên quan đến kiến thức đã học | 01 | Ma trận, đề TNKQ + Tự luận | |  | |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG 4: HIĐROCACBON. NHIÊN LIỆU** | | | | | | |
| 35/ 47, 48 | **Chủ đề: Đại cương về hóa hữu cơ** | - Khái niệm hợp chất hữu cơ  - Khái niệm hoá học hữu cơ  - Đặc điểm cấu tạo phân tử hợp chất hữu cơ  - Công thức cấu tạo. | ***Kiến thức***  Biết được:  *+* Khái niệm về hợp chất hữu cơ và hóa học hữu cơ *.*  *+* Phân loại hợp chất hữu cơ  +Đặc điểm cấu tạo phân tử hợp chất hữu cơ, công thức cấu tạo hợp chất  hữu cơ và ý nghĩa của nó.  ***Kĩ năng***  −Phân biệt được chất vô cơ hay hữu cơ theo CTPT, phân loại chất hữu  cơ theo hai loại : hiđrocacbon và dẫn xuất của hiđrocachon.  −Quan sát thí nghiệm, rút ra kết luận  −Tính % các nguyên tố trong một hợp chất hữu cơ  −Lập được công thức phân tử hợp chất hữu cơ dựa vào thành phần %  các nguyên tố  −Quan sát mô hình cấu tạo phân tử, rút ra được đặc điểm cấu tạo phân  tử hợp chất hữu cơ  −Viết được một số công thức cấu tạo (CTCT) mạch hở , mạch vòng của một số chất hữu cơ đơn giản (< 4C) khi biết CTPT. | 2 | Dạy học trên lớp, PHBM, video thí nghiệm, dạy học theo nhóm, theo dự án. vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. |  |
| 36/ 49 | Metan | - Trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí.  - Cấu tạo phân tử.  - Tính chất hóa học.  - Ứng dụng.. | ***Kiến thức***  Biết được:  −Công thức phân tử, công thức cấu tạo, đặc điểm cấu tạo của me tan.  −Tính chất vật lí : Trạng thái, màu sắc, tính tan trong nước , tỉ khối so với không khí.  −Tính chất hóa học: Tác dụng được với clo (phản ứng thế), với oxi (phản ứng cháy).  −Me tan được dùng làm nhiên liệu và nguyên liệu trong đời sống và sản xuất  ***Kĩ năng***  −Quan sát thí nghiệm, hiện tượng thực tế, hình ảnh thí nghiệm, rút ra nhận xét.  −Viết PTHH dạng công thức phân tử và CTCT thu gọn  −Phân biệt khí me tan với một vài khí khác, tính % khí me tan trong hỗn  hợp. | 1 | Dạy học trên lớp, PHBM, video thí nghiệm, dạy học theo nhóm, theo dự án. vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. |  |
| 37/ 50 | Etilen | - Tính chất vật lí.  - Cấu tạo phân tử.  - Tính chất hóa học.  - Ứng dụng.. | ***Kiến thức***  Biết được:  −Công thức phân tử, công thức cấu tạo, đặc điểm cấu tạo của etilen.  −Tính chất vật lí : Trạng thái, màu sắc, tính tan trong nước , tỉ khối so với không khí.  −Tính chất hóa học: Phản ứng cộng thơm trong dung dịch, phản ứng trùng hợp tạo PE, phản ứng cháy.  −ứng dụng: Làm nguyên liệu điều chế nhựa PE, ancol (rượu) etylic, axit axetic.  ***Kĩ năng***  −Quan sát thí nghiệm, hình ảnh, mô hình rút ra được nhận xét về cấu tạo và tính chất etilen.  −Viết các PTHH dạng công thức phân tử và CTCT thu gọn  −Phân biệt khí etilen với khí me tan bằng phương pháp hóa học  −Tính % thể tích khí etilen trong hỗn hợp khí hoặc thể tích khí đã tham gia phản ứng ở đktc. | 1 | Dạy học trên lớp, PHBM, video thí nghiệm, dạy học theo nhóm, theo dự án. vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. |  |
| 38/ 51 | Axetilen | - Tính chất vật lí.  - Cấu tạo phân tử.  - Tính chất hóa học.  - Ứng dụng..  - Điều chế | ***Kiến thức***  Biết được:  −Công thức phân tử, công thức cấu tạo, đặc điểm cấu tạo của axetilen.  −Tính chất vật lí : Trạng thái, màu sắc, tính tan trong nước , tỉ khối so với không khí.  −Tính chất hóa học: Phản ứng cộng brom trong dung dịch, phản ứng cháy.  −ứng dụng: Làm nhiên liệu và nguyên liệu trong công nghiệp.  ***Kĩ năng***  −Quan sát thí nghiệm, hình ảnh, mô hình rút ra được nhận xét về cấu tạo và tính chất axetilen.  −Viết các PTHH dạng công thức phân tử và CTCT thu gọn  −Phân biệt khí axetilen với khí me tan bằng phương pháp hóa học  −Tính % thể tích khí axetilen trong hỗn hợp khí hoặc thể tích khí đã tham gia phản ứng ở đktc.  −Cách điều chế axetilen từ CaC2 và CH4 | 1 | Dạy học trên lớp, PHBM, video thí nghiệm, dạy học theo nhóm, theo dự án. vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. |  |
| 39/ 52 | Benzen | - Tính chất vật lí.  - Cấu tạo phân tử.  - Tính chất hóa học.  - Ứng dụng.. | ***Kiến thức***  Biết được:  −Công thức phân tử, công thức cấu tạo, đặc điểm cấu tạo của benzen.  −Tính chất vật lí: Trạng thái, màu sắc, tính tan trong nước, khối lượng riêng, nhiệt độ sôi , độc tính.  −Tính chất hóa học: Phản ứng thế với brom lỏng (có bột Fe, đun nóng), phản ứng cháy, phản ứng cộng hiđro và chỉ.  −ứng dụng: Làm nhiên liệu và dung môi trong tổng hợp hữu cơ.  ***Kĩ năng***  −Quan sát thí nghiệm, mô hình phân tử, hình ảnh thí nghiệm, mẫu vật, rút ra được đặc điểm về cấu tạo phân tử và tính chất.  −Viết các PTHH dạng công thức phân tử và CTCT thu gọn  −Tính khối lượng benzen đã phản ứng để tạo thành sản phẩm trong phản ứng thế theo hiệu suất. | 1 | Dạy học trên lớp, PHBM, video thí nghiệm, dạy học theo nhóm, theo dự án. vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. |  |
| 40/ 53,54 | Dầu mỏ và khí thiên nhiên - Nhiên liệu | - Dầu mỏ  - Khí thiên nhiên  - Nhiên liệu | ***Kiến thức***  Biết được:  − Khái niệm, thành phần, trạng thái tự nhiên của dầu mỏ, khí thiên nhiên và khí mỏ dầu và phương pháp khai thác chúng; một số sản phẩm chế biến từ dầu mỏ.  −ứng dụng: Dầu mỏ và khí thiên nhiên là nguồn nhiên liệu và nguyên liệu quý trong công nghiệp.  −Khái niệm về nhiên liệu, các dạng nhiên liệu phổ biến (rắn, lỏng, khí)  −Hiểu được: Cách sử dụng nhiên liệu (gas, dầu hỏa, than,...) an toàn có hiệu quả, giảm thiểu ảnh hưởng không tốt tới môi trường.  ***Kỹ năng***  − Đọc trả lời câu hỏi, tóm tắt được thông tin về dầu mỏ, khí thiên nhiên và ứng dụng của chúng.  −Sử dụng có hiệu quả một số sản phẩm dầu mỏ và khí thiên nhiên.  −Biết cách sử dụng được nhiên liệu có hiệu quả, an toàn trong cuộc sống hằng ngày.  −Tính nhiệt lượng tỏa ra khi đốt cháy than, khí metan, và thể tích khí cacbonic tạo thành . | 2 | Dạy học trên lớp, PHBM, video thí nghiệm, dạy học theo nhóm, theo dự án. vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. | Giảm tải Mục III/trang 128 |
| 41/ 55 | Luyện tập ch­­ương 4: Hiđrocacbon - Nhiên liệu | - Kiến thức cần nhớ  - Bài tập luyện tập | ***Kiến thức***  −CTCT, đặc điểm cấu tạo, tính chất hóa học (phản ứng đặc trưng), ứng dụng chính của me tan, etilen, axetilen, benzen. Cách điều chế  −Thành phần của dầu mỏ, khí thiên nhiên và khí mỏ dầu và các sản phẩm chưng cất dầu mỏ  −Khái niệm nhiên liệu - các loại nhiên liệu.  ***Kĩ năng***  −Viết CTCT một số hiđrocacbon  −viết phương trình hóa học thể hiện tính chất hóa học của các hiđrocacbon tiêu biểu và hiđrocacbon có cấu tạo tương tự.  −Phân biệt một số hiđrocacbon  −Viết PTHH thực hiện chuyển hóa  −Lập CTPT của hiđrocacbon theo phương pháp định lượng, tính toán theo phương trình hóa học. ( Bài tập tương tự bài 4 -SGK)  −Lập CTPT hiđrocacbon dựa vào tính chất hóa học ( BT tương tự bài tập số 3-SGK) | **01** | Dạy học trên lớp, PHBM, video thí nghiệm, dạy học theo nhóm, theo dự án. vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. |  |
| 42/ 56 | Thực hành: Tính chất hoá học của hiđrocacbon | - Mục tiêu  - Tiến hành TN  - Viết tường trình | ***Kiến thức***  −Thí nghiệm điều chế axetilen từ can xi cacbua  −Thí nghiệm đốt cháy axetilen và cho axetilen tác dụng với dung dịch Br2  −Thí nghiệm benzen hòa tan luôm, benzen không tan trong nước  ***Kĩ năng***  −Lắp dụng cụ điều chế khí C2H2 từ CaC2.  −Thực hiện phản ứng cho C2H2 tác dụng với dung dịch Br2 và đốt cháy axetilen  −Thực hiện thí nghiệm hòa tan benzen vào nước và benzen tiếp xúc với dung dịch Br2  −Quan sát thí nghiệm, nêu hiện tượng và giải thích hiện tượng  −Viết phương trình phản ứng điều chế axetilen, phản ứng của axetilen với dung dịch Br2, phản ứng cháy của axetilen | 1 | Dạy học trên lớp, PHBM, video thí nghiệm, dạy học theo nhóm, theo dự án. vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. |  |
| 43/ 57 | Kiểm tra viết | Kiểm tra kiến thức đã học | HS có kỹ năng làm bài tập TNKQ và tự luận liên quan đến kiến thức đã học | 01 | Ma trận, đề TNKQ + Tự luận |  |
| **CHƯƠNG 5: DẪN XUẤT CỦA HIĐROCACBON. POLIME** | | | | | | |
| 44/ 58 | R­­ượu etylic | - Tính chất vật lí.  - Cấu tạo phân tử.  - Tính chất hóa học.  - Ứng dụng..  - Điều chế- | ***Kiến thức***  Biết được:  *−* Công thức phân tử, công thức cấu tạo, đặc điểm cấu tạo.  *−* Tính chất vật lí : Trạng thái , màu sắc, mùi vị, tính tan, khối lượng riêng, nhiệt độ sôi.  *−* Khái niệm độ rượu  *−* Tính chất hóa học: Phản ứng với Na, với axit axetic, phản ứng cháy  *−* ứng dụng : làm nguyên liệu dung môi trong công nghiệp  *−* Phương pháp điều chế ancol etylic từ tinh bột , đường hoặc từ quen.  ***Kĩ năng***  *−* Quan sát mô hình phân tử, thí nghiệm, mẫu vật, hình ảnh ...rút ra được nhận xét về đặc điểm cấu tạo phân tử và tính chất hóa học.  *−* Viết các PTHH dạng công thức phân tử và CTCT thu gọn  *−* Phân biệt ancol etylic với benzen.  *−* Tính khối lượng ancol etylic tham gia hoặc tạo thành trong phản ứng có sử dụng độ rượu và hiệu suất quá trình. | 1 | Dạy học trên lớp, PHBM, video thí nghiệm, dạy học theo nhóm, theo dự án. vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. |  |
| 45/ 59,60 | Axit axetic. | - Tính chất vật lí.  - Cấu tạo phân tử.  - Tính chất hóa học.  - Ứng dụng..  - Điều chế | ***Kiến thức***  Biết được:  *−* Công thức phân tử, công thức cấu tạo, đặc điểm cấu tạo của axit axetic.  *−* Tính chất vật lí : Trạng thái , màu sắc, mùi vị, tính tan, khối lượng riêng, nhiệt độ sôi.  *−* Tính chất hóa học: Là một axit yếu, có tính chất chung của axit, tác dụng với ancol etylic tạo thành este.  *−* ứng dụng : làm nguyên liệu trong công nghiệp, sản xuất giấm ăn.  *−* Phương pháp điều chế axit axetic bằng cách lem men ancol etylic.  ***Kĩ năng***  *−* Quan sát mô hình phân tử, thí nghiệm, mẫu vật, hình ảnh *...*rút ra được nhận xét về đặc điểm cấu tạo phân tử và tính chất hóa học.  *−* Dự đoán, kiểm tra và kết luận được về tính chất hóa học của axit axetic  *−* Phân biệt axit axetic với ancol etylic và chất lỏng khác.  *−* Tính nồng độ axit hoặc khối lượng dụng dịch axit axetic tham gia hoặc tạo thành trong phản ứng. | 2 | Dạy học trên lớp, PHBM, video thí nghiệm, dạy học theo nhóm, theo dự án. vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. |  |
| 46/ 61 | Mối liên hệ giữa etilen, r­­­ượu etylic và axit axetic | - Sơ đồ liên hệ giữa etylen, rượu etylic và axit axetic  - Bài tập vận dụng | ***Kiến thức***  Hiểu được:  *−* Mối liên hệ giữa các chất: quen, ancol etylic, axit axetic, este etylaxetat.  Kĩ năng  *−* Thiết lập được sơ đồ mối liên hệ giữa quen, ancol etylic, axit axetic, este etyl axetat.  *−* Viết các PTHH minh họa cho các mối liên hệ  *−* Tính hiệu suất phản ứng este hóa, tính % khối lượng các chất trong hỗn hợp lỏng. | 1 | Dạy học trên lớp, PHBM, video thí nghiệm, dạy học theo nhóm, theo dự án. vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. |  |
| 47/  62 | Chất béo | - Chất béo có ở đâu?  - Tính chất, thành phần cấu tạo  - Ứng dụng | ***Kiến thức***  Biết được:  *−* Khái niệm chất béo, trạng thái thiên nhiên, công thức tổng quát của chất béo đơn giản là (RCOO)3C3H5 ' đặc niêm cấu tạo.  *−* Tính chất vật lí: trạng thái, tính tan  *−* Tính chất hóa học: Phản ứng thủy phân trong môi trường axit và trong môi trường kiềm ( phản ứng xà phòng hóa)  *−* ứng dụng : Là thức ăn quan trọng của người và động vật, là nguyên liệu trong công nghiệp.  ***Kĩ năng***  *−* Quan sát thí nghiệm, hình ảnh ...rút ra được nhận xét về công thức đơn giản, thành phần cấu tạo và tính chất của chất béo.  *−* Viết được PTHH phản ứng thủy phân của chất béo trong môi trường axit, môi trường kiềm  *−* Phân biệt chất béo (dầu ăn, mỡ ăn) với hiđrocacbon (dầu, mỡ công nghiệp)  *−* Tính khối lượng xà phòng thu được theo hiệu suất | 1 | Dạy học trên lớp, PHBM, video thí nghiệm, dạy học theo nhóm, theo dự án. vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. |  |
| 48/ 63 | Luyện tập: R­­ượu etylic axit axetic và chất béo | - Kiến thức cần nhớ  - Bài tập | ***Kiến thức***  *−* CTCT, đặc điểm cấu tạo, tính chất hóa học (phản ứng đặc trưng), ứng dụng chính của ancol etylic, axit axetic, chất béo. Cách điều chế axit axetic, ancol etylic, chất béo.  ***Kĩ năng***  *−* Viết CTCT của ancol etylic, axit axetic, CT chung và CT của một số chất béo đơn giản.  *−* Viết phương trình hóa học thể hiện tính chất hóa học của các chất trên  *−* Phân biệt hóa chất (ancol etylic, axit axetic, dầu ăn tan trong ancol etylic)  *−* Tính toán theo phương trình hóa học.  *−* Xác định cấu tạo đúng của hóa chất khi biết tính chất | 1 | Dạy học trên lớp, PHBM, video thí nghiệm, dạy học theo nhóm, theo dự án. vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. |  |
| 49/ 64 | Thực hành: Tính chất của r­­­ượu và axit (lấy điểm hệ số 1) | - Mục tiêu  - Tiến hành TN  - Viết tường trình | ***Kiến thức***  *−* Thí nghiệm thể hiện tính axit của axit axetic  *−* Thí nghiệm tạo este etyl axetat  ***Kĩ năng***  *−* Thực hiện thí nghiệm chứng tỏ axit axetic có những tính chất chung của một axit (tác dụng với CuO, CaCO3 quỳ tím , Zn)  *−* Thực hiện thí nghiệm điều chế este etyl axetat  *−* Quan sát thí nghiệm, nêu hiện tượng và giải thích hiện tượng  *−* Viết phương trình HH minh họa các thí nghiệm đã thực hiện | 1 | Dạy học trên lớp, PHBM, video thí nghiệm, dạy học theo nhóm, theo dự án. vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. |  |
| 50/ 65 | Glucozơ | - Trạng thái tự nhiên  - Tính chất vật lí.  - Cấu tạo phân tử.  - Tính chất hóa học.  - Ứng dụng.. | ***Kiến thức***  Biết được :  *−* Công thức phân tử, trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí (trạng thái, màu sắc, mùi vị, tính tan, khối lượng riêng)  *−* Tính chất hóa học: phản ứng tráng gương, phản ứng lên men rượu  *−* ứng dụng: Là chất dinh dưỡng quan trọng của người và động vật  ***Kĩ năng***  *−* Quan sát thí nghiệm, hình ảnh, mẫu vật ...rút ra nhận xét về tính chất của glucozơ  *−* Viết được các PTHH (dạng CTPT) minh họa tính chất hóa học của glucozơ  *−* Phân biệt dung dịch glucozơ với ancol etylic và axit axetic  *−* Tính khối lượng glucozơ trong phản ứng lên men khi biết hiệu suất của quá trình | 1 | Dạy học trên lớp, PHBM, video thí nghiệm, dạy học theo nhóm, theo dự án. vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. |  |
| 51/ 66 | Sacarozơ | - Trạng thái thiên nhiên  - Tính chất vật lí.  - Cấu tạo phân tử.  - Tính chất hóa học.  - Ứng dụng.. | ***Kiến thức***  Biết được:  *−* Công thức phân tử, trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí (trạng thái, màu sắc, mùi vị, tính tan) *..*  *−* Tính chất hóa học: phản ứng thủy phân có xúc tác axit hoặc enzim  *−* ứng dụng: Là chất dinh dưỡng quan trọng của người và động vật, nguyên liệu quan trọng cho công nghiệp thực phẩm.  ***Kĩ năng***  *−* Quan sát thí nghiệm, hình ảnh, mẫu vật ...rút ra nhận xét về tính chất của saccarozơ.  *−* Viết được các PTHH (dạng CTPT) của phản ứng thủy phân saccarozơ.  *−* Viết được PTHH thực hiện chuyển hóa từ saccarozơ → glucozơ → ancol etylic → axit axetic .  *−* Phân biệt dung dịch saccarozơ, glucozơ và ancol etylic.  *−* Tính % khối lượng saccarozơ trong mẫu nước mía | 1 | Dạy học trên lớp, PHBM, video thí nghiệm, dạy học theo nhóm, theo dự án. vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. |  |
| 52/ 67 | Tinh bột và xenlulozơ | - Trạng thái tự nhiên  - Tính chất vật lí.  - Đặc điểm cấu tạo phân tử.  - Tính chất hóa học. | ***Kiến thức***  Biết được:  *−* Trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí của tinh bột và xenlulozơ  *−* Công thức chung của tinh bột và xenlulozơ là (C6HloO5)n  *−* Tính chất hóa học của tinh bột và xenlulozơ : phản ứng thủy phân,phản ứng màu của hồ tinh bột và im  *−* ứng dụng của tinh bột và xenlulozơ trong đời sống và sản xuất  *−* Sự tạo thành tinh bột và xenlulozơ trong cây xanh..  ***Kĩ năng***  *−* Quan sát thí nghiệm, hình ảnh, mẫu vật ...rút ra nhân xét về tính chất của tinh bột và xenlulozơ  *−* Viết được các PTHH của phản ứng thủy phân tinh bột hoặc xenlulozơ, phản ứng quang hợp tạo thành tinh bột và xenlulozơ trong cây xanh.  *−* Phân biệt tinh bột với xenlulozơ  *−* Tính khối lượng ancol etylic thu được từ tinh bột và xenlulozơ | 1 | Dạy học trên lớp, PHBM, video thí nghiệm, dạy học theo nhóm, theo dự án. vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. |  |
| 54 | Protein | Không dạy |  |  | **HDHS tự học** |  |
| 55 | Polime | Không dạy |  |  |  |  |
| 56 | Thực hành: Tính chất của gluxit | Không thực hiện trên lớp |  |  |  |  |
| 57/ 68, 69 | Ôn tập cuối năm | - Hệ thống kiến thức cơ bản của học kỳ I, kỳ II  - vận dụng làm các dạng bài tập cơ bản liên quan | - Ôn lại được các kiến thức đã học trong học kỳ I, kỳ II  - Vận dụng các kiến thức đã học làm các dạng bài tập hóa học có liên quan ( Tính theo PTHH, nồng độ, nhận biết, chuỗi biến hóa, xác định CTPT của hợp chất hữu cơ…) | **02** | Dạy học trên lớp, PHBM, theo nhóm, vận dụng các PPDH tích cực cho phù hợp. |  |
| 58/ 70 | Kiểm tra học kỳ II | Kiểm tra kiến thức đã học | HS có kỹ năng làm bài tập TNKQ và tự luận liên quan đến kiến thức đã học | 01 | Ma trận, đề TNKQ + Tự luận |  |